

SSIAM VNFIN LEAD ETF



THÔNG TIN QUỸ – THÁNG 11/2022

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

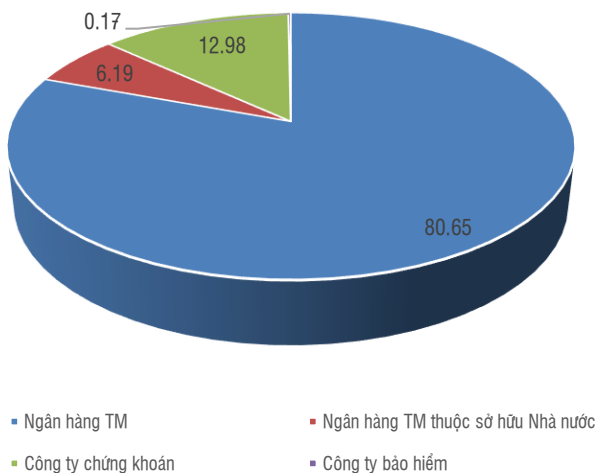
TÊN QUỸ	SSIAM VNFIN LEAD ETF
CHỈ SỐ THAM CHIẾU	VNFIN LEAD Index
SÀN NIÊM YẾT	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG	10/01/2020
QUY MÔ QUỸ	3.033,77 Tỷ Đồng (~123,05 triệu USD) (tại ngày 30/11/2022)
TIỀN TỆ	VNĐ
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)
GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ	0,65%
TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH	217.000.000

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	21
HỆ SỐ P/E	6,18x
HỆ SỐ P/B	1,16x

Nguồn: Bloomberg, SSIAM

CƠ CẤU DANH MỤC



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD Index

Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính -

VNAINShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho > 30% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

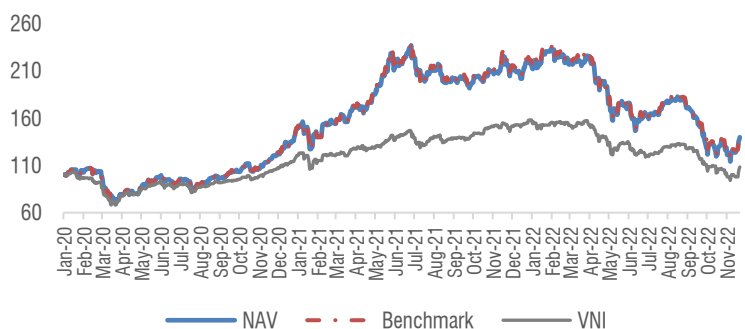
HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

	NAV/CCQ (VNĐ)	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày thành lập
ETF SSIAM VNFIN LEAD	13.980,51	6,16%	-22,09%	-36,08%	12,30%
VNFIN LEAD		6,22%	-21,95%	-35,91%	13,01%

(*) Ngày kết thúc đăng ký góp vốn: 10/01/2020.

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.

SSIAM VNFin Lead ETF Performance (% SI)



Cập nhật thị trường – Tháng 11 2022

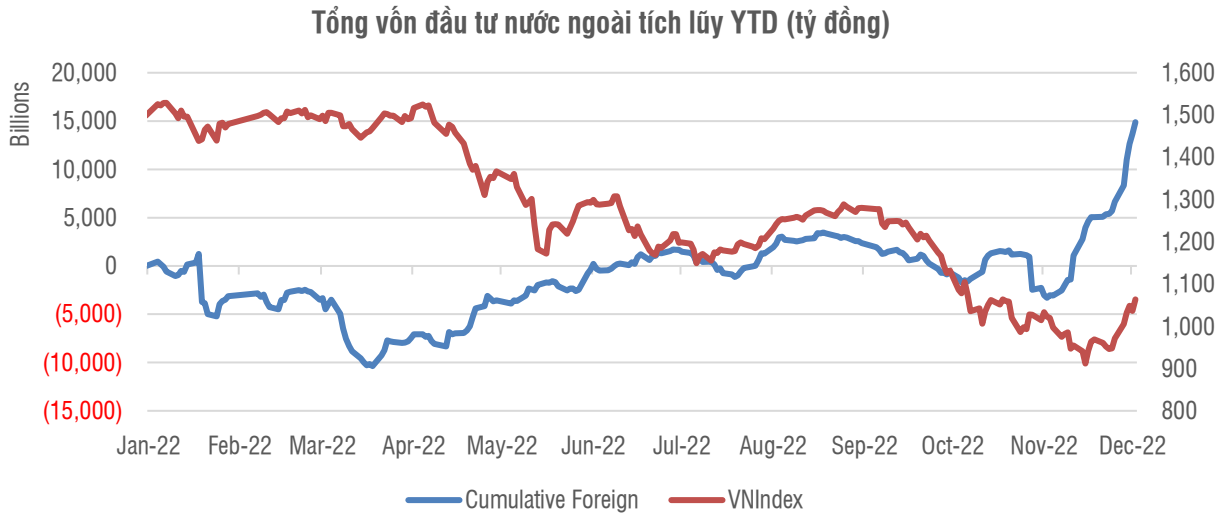
Trong tháng 11, VNIndex đã có sự phục hồi nhẹ, tăng 2,11% từ mức thấp. Sau khi chạm đáy tại 873,8 điểm vào ngày 16/11 (-41,6% so với đầu năm), VN-Index đã tăng trở lại 20% và đóng cửa phiên giao dịch tháng 11 ở mức 1.048,4 điểm (+2% so với tháng trước; -30% so với đầu năm). Nhóm tài chính dẫn đầu đã phục hồi với mức sinh lời 5,85%, đóng góp 2,19 điểm phần trăm vào kết quả hoạt động của VNI. Nhóm ngành tiêu dùng cho thấy kết quả khác biệt, trong khi Hàng tiêu dùng thiết yếu tiếp tục là lựa chọn phòng thủ được ưu tiên, tăng 5,00% và đóng góp 0,63 điểm phần trăm vào VNI, Hàng tiêu dùng không thiết yếu hoạt động kém hiệu quả hơn do những lo ngại về nền kinh tế. Bất động sản tiếp tục là mối quan ngại, giảm -0,42%, đóng góp -0,11 điểm phần trăm vào kết quả hoạt động của VNI.

	Weight	1M		3M		6M		YTD		1Y	
		Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %	Total Return (%)	Contribution %
VNIndex	100.00%	2.11		-17.88		-18.18		-29.11		-28.00	
Financials	37.26%	5.85	2.19	-14.00	-4.38	-11.15	-3.18	-25.52	-8.05	-23.84	-7.50
Real Estate	20.28%	-0.41	-0.11	-20.42	-4.58	-26.18	-6.17	-36.86	-8.66	-36.79	-8.71
Consumer Staples	12.69%	5.00	0.63	-7.45	-0.77	-0.07	0.03	-11.77	-1.07	-7.81	-0.68
Consumer Discretionary	3.32%	-7.56	-0.30	-28.63	-1.17	-27.82	-1.07	-23.85	-0.88	-24.22	-0.90
Utilities	7.70%	-0.71	-0.07	-10.09	-0.72	-8.86	-0.73	-1.73	-0.33	0.80	-0.22
Industrials	7.44%	-3.09	-0.27	-29.26	-2.71	-31.98	-3.03	-44.96	-4.52	-41.14	-4.03
Materials	6.80%	0.74	0.05	-32.07	-2.68	-36.41	-3.13	-49.70	-4.83	-51.74	-5.22
Information Technology	2.29%	-3.46	-0.09	-15.07	-0.35	-18.11	-0.41	-5.43	-0.16	-9.27	-0.23
Energy	1.36%	5.80	0.08	-25.02	-0.40	-27.86	-0.46	-39.99	-0.68	-39.18	-0.66
Health Care	0.72%	2.23	0.02	-6.08	-0.04	-10.08	-0.07	-19.14	-0.13	-18.32	-0.12
Communication Services	0.04%	-11.04	-0.01	-52.95	-0.04	-54.87	-0.04	-62.88	-0.05	-55.62	-0.04
Not Classified	0.10%	-5.84	0.00	-25.99	-0.01	-32.18	-0.01	-47.99	-0.02	-51.25	-0.03

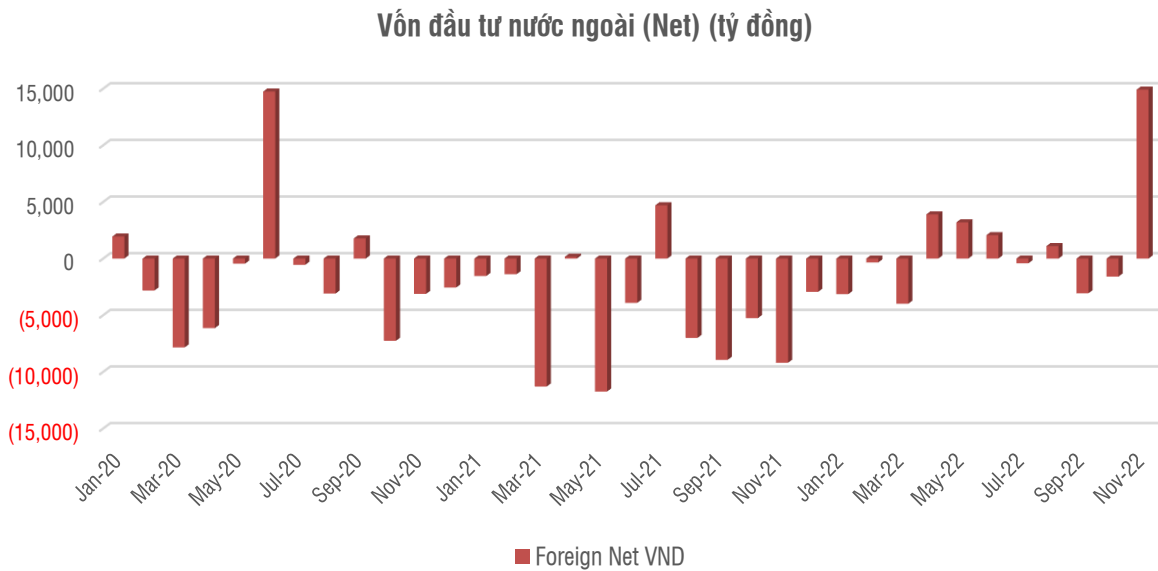
(Nguồn: SSIAM, Bloomberg)

Trong nửa đầu tháng 11, thị trường giảm giá mạnh trước những lo ngại về nguy cơ vỡ nợ của các trái phiếu doanh nghiệp, đặc biệt là trái phiếu của các doanh nghiệp bất động sản. Các cổ đông lớn, ban quản lý và chủ sở hữu doanh nghiệp đã cầm cổ phiếu của họ làm tài sản thế chấp để vay vốn trong giai đoạn chính sách tiền tệ bị thắt chặt đã nhận được lệnh gọi bổ sung ký quỹ từ các ngân hàng và công ty chứng khoán, khiến lực bán càng mạnh hơn. Tuy nhiên, thị trường đã phục hồi mạnh mẽ vào nửa cuối tháng 11 do thị trường kỳ vọng Chính phủ sẽ có những can thiệp kịp thời nhằm giảm bớt sự bất ổn trong lĩnh vực bất động sản.

Nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là những nhà đầu tư vào ETF, cũng là động lực chính giúp thị trường hồi phục khi họ tích cực mua mạnh nhằm tận dụng mức định giá hấp dẫn tại thời điểm hiện tại. Hoạt động mua ròng của nhóm ngoại đạt 690 triệu USD trên ba sàn, giá trị mua ròng hàng tháng cao nhất kể từ tháng 5 năm 2018. Nhà đầu tư nước ngoài chiếm 14% tổng giá trị giao dịch, so với mức trung bình chỉ 8,3% trong 11 tháng đầu năm 2022. Dòng vốn ETF từ nhóm ngoại trong tháng 11 ước đạt 234 triệu USD, chiếm gần 40% tổng vốn đầu tư nước ngoài trong tháng 11, bao gồm Fubon FTSE (100 triệu USD), DCVFMVN Diamond (52 triệu USD), VN Finlead (14,9 triệu USD). Tính từ đầu năm đến nay, dòng vốn ròng đầu tư vào ETF ước tính đạt 630 triệu USD, trong đó Fubon mua ròng tổng cộng 409 triệu USD.



(Nguồn: SSIAM, Bloomberg)

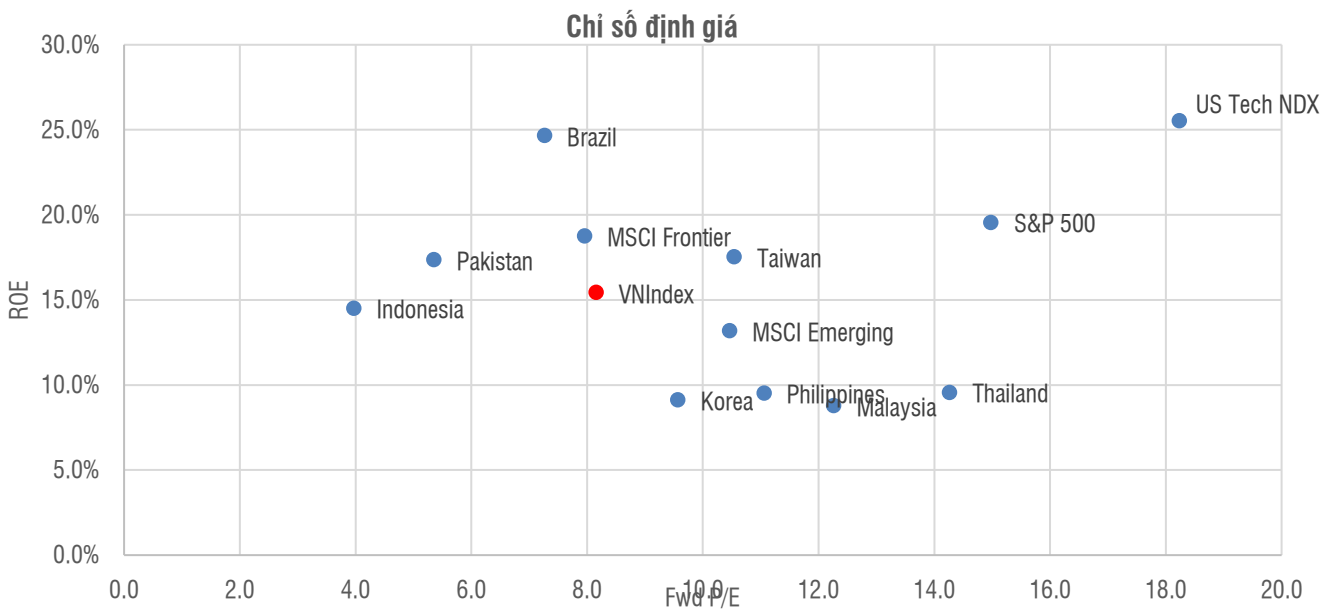


(Nguồn: SSIAM, Bloomberg)

Định giá của VNIndex vẫn ở mức hấp dẫn, với tỷ lệ P/E trailing 12 tháng ở mức 11,1 lần, thấp hơn khoảng hai độ lệch chuẩn so với mức trung bình (tương đương 9,4 lần). Trong lịch sử, ngay cả những thời điểm khó khăn nhất của thị trường, năm 2011-2012, định giá VN-Index cũng chỉ giảm xuống biên dưới, khoảng hai lần độ lệch chuẩn. Mặc dù tăng trưởng kinh tế và triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2022 có mức khởi sắc hơn so với năm 2012, nhưng thị trường lại ghi nhận mức độ sụt giảm nghiêm trọng hơn. Chúng tôi kỳ vọng tỷ lệ P/E 12 tháng sẽ quay lại -1 lần độ lệch chuẩn. Chúng tôi cho rằng dòng tiền nhà đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục hỗ trợ thị trường trong thời gian tới, trong khi tâm lý nhà đầu tư trong nước sẽ dần cải thiện trước áp lực thanh khoản và tỷ giá dần giảm bớt. Khi so sánh với các quốc gia trong khu vực, định giá của VNIndex tiếp tục ở mức hấp dẫn.



(Nguồn: SSIAM, Bloomberg)



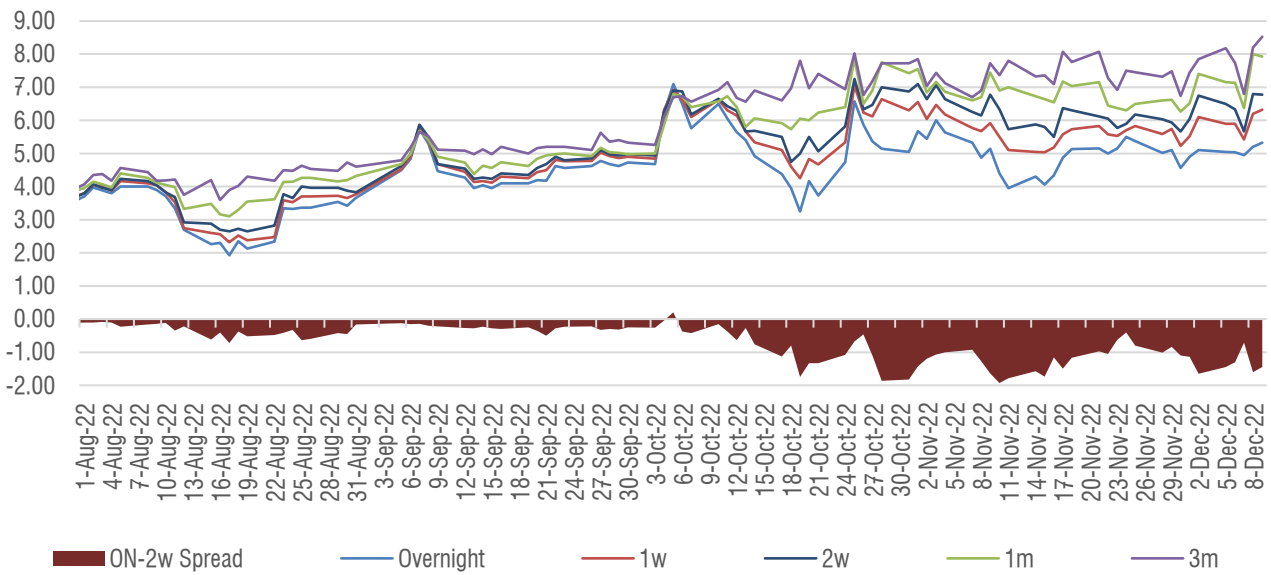
(Nguồn: SSIAM, Bloomberg)

Dữ liệu vĩ mô tháng 11 của Việt Nam cho thấy những tín hiệu trái chiều. Về mặt tích cực, áp lực thanh khoản hệ thống trong ngắn hạn đã giảm bớt và tỷ giá hối đoái ổn định sau một thời gian VND mất giá mạnh. Ngoài ra, vốn FDI giải ngân đạt mức cao nhất kể từ năm 2015. Về mặt tiêu cực, sản xuất suy yếu do thiếu đơn đặt hàng mới, hoạt động thương mại bị thu hẹp, giải ngân đầu tư công chậm và thị trường tiếp tục chờ đợi những động thái tiếp theo của các cơ quan quản lý nhằm giải quyết cuộc khủng hoảng trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Thanh khoản hệ thống đã phần nào được cải thiện trong tháng 11 sau một tháng 10 đầy biến động. Tin đồn về việc các tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp xin gia hạn trả lãi và gốc đã ảnh hưởng đáng kể lên tâm lý thị trường và tình hình thanh khoản vào đầu tháng 11, dẫn đến tình trạng rút vốn ồ ạt trên tất cả các kênh đầu tư, khiến tất cả các nhóm tài sản đều ghi nhận sự sụt giảm trên diện rộng (cổ phiếu, tài sản thu nhập cố định, bất động sản...). Thị trường chứng khoán ghi nhận hiện tượng bán giải chấp ở nhiều nhóm ngành ngoài bất động sản, làm tăng thêm áp lực bán từ các công ty chứng khoán bảo lãnh phát hành và phân phối trái phiếu, trong nỗ lực thu hồi và bổ sung tài sản đảm bảo. Trước những tín hiệu tiêu cực từ thị trường, NHNN đã tích cực sử dụng nghiệp vụ thị trường mở

để bơm gần 1,0 tỷ USD và điều chỉnh tỷ giá USD/VND liên ngân hàng để giảm áp lực thanh khoản hệ thống. Nhờ đó, tỷ giá liên ngân hàng đã cho thấy dấu hiệu giảm nhiệt vào cuối tháng.

Lãi suất liên ngân hàng

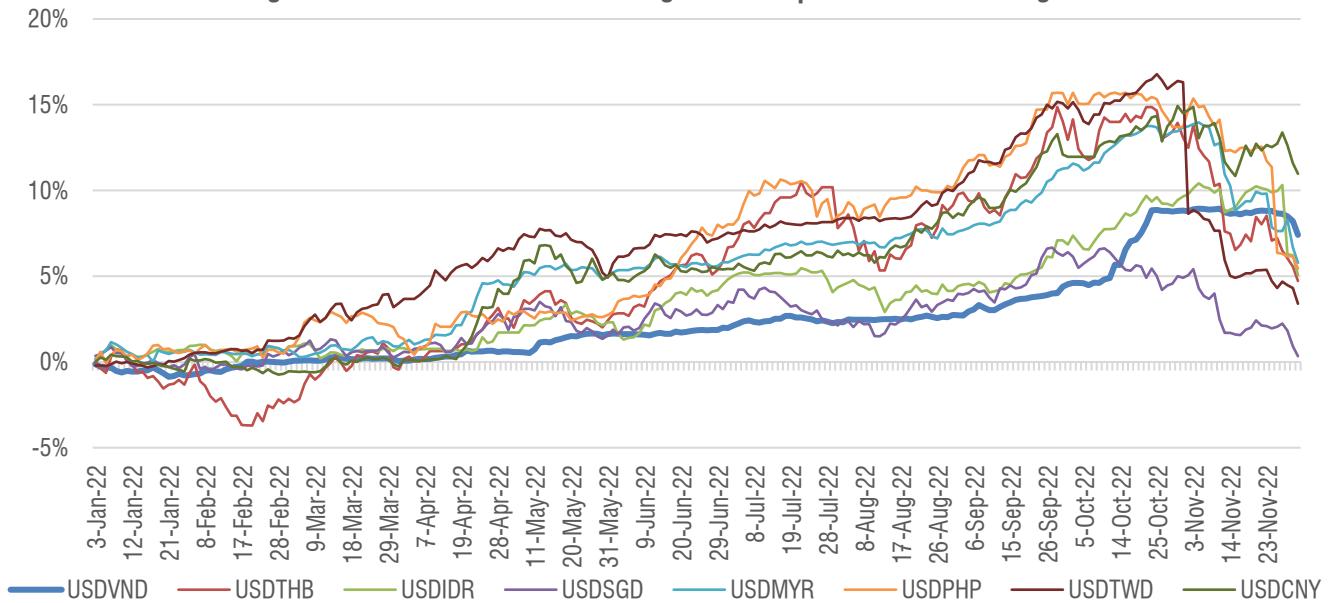


(Nguồn: SSIAM, Bloomberg)

Áp lực lên tỷ giá USD/VND cuối tháng 11 đã phần nào giảm bớt do NHNN điều chỉnh tăng lãi suất và xu hướng tăng của đồng USD cho thấy dấu hiệu suy yếu. VND giảm 8,4% so với đầu năm và NHNN đã ba lần điều chỉnh giảm giá bán trong tháng xuống 24.840 VND giúp đồng VND ổn định và sau đó tăng nhẹ, đóng cửa ở mức +0,3% MoM. Nỗ lực ổn định tỷ giá USD/VND của NHNN không chỉ được hỗ trợ bởi sự đảo chiều của đồng USD toàn cầu mà còn bởi 1) giải ngân vốn FDI mạnh mẽ - đạt 19,7 tỷ USD so với đầu năm (+15,1% YoY); 2) thặng dư thương mại 10,5 tỷ USD so với đầu năm và 3) dòng kiều hối phục hồi.

Thương mại ghi nhận sự sụt giảm trên diện rộng khi Việt Nam, một ngôi sao đang lên trong chuỗi cung ứng toàn cầu, không hoàn toàn miễn nhiễm trước tình hình kinh tế toàn cầu suy yếu. Xuất khẩu giảm 8,4% so với cùng kỳ năm trước, mức giảm lớn nhất trong hai năm. Điểm yếu xuất khẩu chủ yếu tập trung ở ba nhóm sản phẩm: máy tính (-13,9% YoY), dệt may (-6,4%) và điện thoại di động (-0,7%). Xuất khẩu sang Hoa Kỳ, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, giảm 12,4% so với cùng kỳ trong khi xuất khẩu sang EU giảm 2,8% so với cùng kỳ. Nhập khẩu cũng giảm đáng kể (-7,3% YoY), điều này cho thấy nhu cầu nhập khẩu hàng hóa trung gian giảm do đơn đặt hàng xuất khẩu suy yếu.

Mức giảm tính từ đầu năm của các đồng tiền khu vực Châu Á so với đồng USD



(Nguồn: SSIAM, Bloomberg)

PMI tháng 11 giảm từ 50,6 xuống 47,4, đánh dấu sự kết thúc của 13 tháng tăng trưởng liên tục. Tăng trưởng Chi số sản xuất công nghiệp (IIP), vốn có mối tương quan cao với tăng trưởng xuất khẩu, cũng đã chậm lại trong hai tháng qua (tháng 9: +9,0%; tháng 10: +5,5%; tháng 11: +5,3%) do thiếu nguyên liệu, chi phí đầu vào tăng và đơn đặt hàng sản xuất giảm, lần giảm đầu tiên sau 14 tháng do nhu cầu toàn cầu chậm lại. Các doanh nghiệp sản xuất cũng đã giảm sản lượng do số lượng đơn đặt hàng mới giảm, đánh dấu lần giảm đầu tiên kể từ tháng Ba. Số lượng việc làm và hoạt động tích trữ hàng tồn kho cũng đã giảm trong tháng.

Trong tương lai, hai xu hướng toàn cầu mà chúng tôi đang theo dõi sát sao nhất là: 1) Trung Quốc mở cửa trở lại; và 2) Lạm phát Hoa Kỳ giảm nhiệt. Đầu tiên, chúng tôi kỳ vọng thị trường Trung Quốc sẽ mở cửa trở lại vào quý đầu tiên của năm 2023 khi quốc gia này nới lỏng các hạn chế do Covid-19. Đồng thời, Chủ tịch Fed Hoa Kỳ gần đây đã đưa ra tín hiệu rằng ngân hàng trung ương có thể sẽ giảm tốc độ tăng lãi suất trước tình hình lạm phát có dấu hiệu giảm nhiệt. Cả hai yếu tố đều có thể mang lại lợi ích đáng kể cho nền kinh tế Việt Nam.

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ (% NAV)

STT	Mã	Tên công ty	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (USD tr)	FOL	ROA (%)	ROE (%)	YTD 2022 (%)	P/E	P/B	CTR
1	VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	15.40	4,887.85	0%	23.27	3.39	-29.61%	5.78	1.23	-4.60
2	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	14.54	4,636.08	0%	21.59	3.50	-48.20%	4.77	0.93	-8.34
3	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	13.09	1,569.83	5%	11.80	0.78	-36.51%	9.48	1.06	-6.56
4	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	11.46	3,652.16	0%	27.33	2.90	-27.75%	4.85	1.18	-2.79
5	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	8.06	3,130.40	0%	26.97	2.55	-19.93%	5.99	1.42	-1.20
6	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	7.34	1,190.16	66%	14.47	5.29	-60.46%	8.63	1.32	-5.51
7	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	4.79	1,367.03	28%	23.08	1.65	-27.75%	4.19	0.81	-2.79
8	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	3.89	861.21	0.91	18.12	5.93	-0.59	7.63	1.16	-2.92
9	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	3.12	4,514.57	7%	15.54	0.97	-19.62%	8.63	1.27	-0.88
10	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	2.70	14,337.36	25%	22.23	1.74	2.79%	15.22	3.14	-0.14
11	MSB	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	2.39	1,041.85	0%	19.50	2.36	-41.72%	5.99	1.07	-1.24
12	HDB	Ngân hàng Phát triển TPHCM	2.33	1,952.39	0%	23.96	2.02	-36.99%	5.49	1.18	-0.73
13	SSB	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	2.31	2,507.41	6%	18.73	1.78	-14.56%	15.76	2.45	-0.12
14	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	2.26	1,581.89	0%	21.86	2.10	-46.41%	5.96	1.18	-1.35
15	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	1.71	805.34	0%	22.69	1.58	-34.70%	4.08	0.90	-0.70
16	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt	1.19	513.90	113%	20.23	8.91	-56.16%	8.33	1.66	-0.63
17	VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.15	1,896.18	0%	31.50	2.68	-42.20%	5.37	1.48	-0.52
18	EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	0.60	1,780.00	6%	14.47	1.58	-34.72%	9.67	1.31	0.05
19	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	0.56	444.81	16%	14.49	4.81	-51.76%	10.73	1.28	-0.12
20	OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	0.56	859.83	1%	15.88	1.95	-43.96%	6.13	0.90	-0.38
21	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0.36	6,879.32	67%	18.08	0.87	10.78%	12.87	2.17	0.00

THÔNG TIN LIÊN HỆ

SSI ASSET MANAGEMENT CO LTD

Business Development – Director

Mr. Ho Minh Tri (+84) 28 3824 2897 ext 1628 or (+84) 90 888 9669 trihm@ssi.com.vn

Portfolio Manager

Mr Bui Van Tot Tel: (+84) 4 3936 6321 ext: 1627 totbv@ssi.com.vn

SSI SECURITIES CORPORATION (SSI)

Managing Director, Institutional Brokerage

Mr. Nguyen Anh Duc (+84) 979 585658 ducna1@ssi.com.vn

MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) LIMITED LIABILITY COMPANY (MAS)

Sales Manager

Mr. Dinh Quang Thien (+84) 90 2474538 thien.dq@miraeasset.com.vn

BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY (BSC)

Head of Institutional Sales

Mr. Vu Thanh Phong (+84) 97 4740580 phongvt@bsc.com.vn

KIS VIETNAM SECURITIES CORPORATION (KIS)

Head of Brokerage Dept

Ms. Lam Uyen (+84) 94 4411268

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi về thông tin nhà đầu trong Phần A của Hồ Sơ Nhà Đầu Tư đã gửi SSIAM, kính đề nghị Quý Nhà Đầu Tư cập nhật cho chúng tôi trong thời gian sớm nhất.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quỹ có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.



Asia Asset Management

“Công Ty Quản Lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012, 2013, 2016

“Tổng Giám Đốc của Năm” năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022

“Giám Đốc Đầu Tư của Năm” năm 2013, 2014, 2015

“Quý Mới của Năm” năm 2020



Asian Investor

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa Tốt Nhất Việt Nam” năm 2010

“Công Ty Quản Lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018

“Hoạt động Phát triển Kinh doanh Tốt Nhất” năm 2022



The Asset

“Công Ty Quản Lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014, 2021, 2022

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018

“Nhà cung cấp ETF của Năm” năm 2021



Alpha Southeast Asia

“Công ty quản lý quỹ và tài sản tốt nhất Việt Nam” năm 2020, 2021, 2022

“Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam cho các danh mục bảo hiểm và chương trình hưu trí tư nhân” năm 2020, 2021

“Nhà quản lý quỹ tốt nhất (Quỹ Cân Bằng)” năm 2021